

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/DS-PT
Ngày 21-3-2023
V/v “Đòi tài sản là quyền sử dụng
đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;
Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 507/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 126/2022/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **62/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* anh Trương Văn K, sinh năm 1992, địa chỉ: số 89, ấp 6, xã Mỹ Q1, huyện Đ, tỉnh Long An; có mặt.

- *Bị đơn:* anh Phan Văn T, sinh năm 1976; chị Phạm Thanh T1, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; chị Trần Thị Thu T2, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: khu phố A, phường An H3, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1964; bà Phan Thị H1, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: khu phố Lộc D, phường B, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; ông T1 có mặt, bà H1 có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt;

+ Anh Lê Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố L1, phường G, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn K, trình bày:

Thông qua người quen, ngày 24/11/2021 anh có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng phần đất 390m², thửa 170, tờ bản đồ 41 và thửa 763, tờ bản đồ 38, tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh của anh Phan Văn T và chị Phạm Thanh T1 với giá là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nhưng giá ghi trong hợp đồng là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng để giảm tiền thuế. Anh đã hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, nhưng do trong thời gian này xảy ra dịch bệnh nên anh chưa sử dụng đất. Sau khi cuộc sống trở lại bình thường thì anh đến phần đất nhận chuyển nhượng của anh T, chị T1 để sử dụng thì biết được hiện nay là ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1 đang sử dụng, anh đã nhiều lần liên hệ với anh T và chị T1 để yêu cầu bàn giao đất, anh T hứa sẽ giải quyết nhưng đến nay anh T và chị T1 vẫn không bàn giao đất cho anh. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu anh T, chị T1 giao trả đất cho anh. Trước đây do định vị thửa đất sai nên anh khởi kiện yêu cầu anh T, chị T1 giao nhà, đất nay trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tiến hành đo đạc và kiểm tra lại hiện trạng tài sản tranh chấp thì diện tích đất anh nhận chuyển nhượng của vợ chồng anh T không có nhà và tài sản trên đất, chỉ có một số cây trồng do ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1 trồng và đang quản lý, sử dụng.

Nay anh yêu cầu anh T, chị T1 và ông T1, bà H1 có trách nhiệm phải giao trả cho anh phần đất 390m², thửa 170, tờ bản đồ 41 và thửa 763, tờ bản đồ 38, tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Anh đồng ý thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông T1, bà H1, anh Lê Minh H và tự nguyện hỗ trợ cho ông T1, bà H1, anh Lê Minh H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bị đơn anh Phan Văn T và chị Phạm Thanh T1 trình bày: Diện tích đất 390m², thửa 170, tờ bản đồ 41 và thửa 763, tờ bản đồ 38, tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh là do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Thu T2 với giá 800.000.000 đồng, các bên đã giao tiền nhận đất xong và anh chị cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS20518 14/12/2020. Phần đất này anh Q đã cho anh Lê Minh H thuê lại nên anh tiếp tục cho anh Lê Minh H thuê. Đến ngày 24/11/2021, anh chị chuyển nhượng lại cho anh K giá 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và việc thuê đất của anh Lê Minh H cũng được bàn giao lại cho anh K. Nay anh chị không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án nên không có ý kiến, anh chị đề nghị anh K và anh Lê Minh H thương lượng giải quyết với nhau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 trình bày:* Phần đất các bên tranh chấp là của ông, là phần đất trống, không có nhà, ông cho con ông là Lê Minh Hải nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Lê Minh Hải vay tiền của anh Nguyễn Văn Q 500.000.000 đồng nhưng chỉ nhận 400.000.000 đồng còn trừ 80.000.000 đồng là tiền lãi và 20.000.000 đồng là tiền chi trả xã hội đen đi đòi

nợ. Sau đó, anh Q sang tên cho anh T giá 700.000.000 đồng, anh Q nhận 590.000.000 đồng, Hải nhận số tiền 110.000.000 đồng. Sau đó, anh T sang tên lại cho anh K với số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, ông nghe Hải nói Hải nhận 100.000.000 đồng hay 120.000.000 đồng ông không nhớ rõ, còn lại thì anh T nhận. Còn căn nhà tường các bên tranh chấp là của ông xây cho vợ chồng Hải ở nhưng đất là do em của Hải (Lê Nhựt Minh) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do đất ông cho Minh nhưng xây nhà cho Hải ở là vì ông sợ Hải ăn chơi quá nên ông xây nhà trên đất của Minh để Hải không thể bán nhà đất được. Diện tích đất tranh chấp 390m², thửa 763, 170 tờ bản đồ 38, 41 hiện nay ông đang quản lý, sử dụng. Trong vụ án anh K tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất với anh Phan Văn T và chị Phạm Thanh T1, ông yêu cầu được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 390m², thửa 763, 170 tờ bản đồ 38, 41, tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; ông không yêu cầu Tòa án hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng anh Q, giữa vợ chồng anh Q và vợ chồng anh T và giữa vợ chồng anh T và anh K.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H1 trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông T1 và có cùng nguyện vọng với ông T1.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh H trình bày: phần đất diện tích 390m², thửa 170, tờ bản đồ 41 và thửa 763, tờ bản đồ 38, tọa lạc tại khu phố Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh là tài sản của ông T1, bà H1 là cha mẹ anh. Cha mẹ anh cho tặng anh nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Do anh có nhu cầu vay vốn để kinh doanh mà vay ngân hàng không được nên anh có vay của anh Nguyễn Văn Q số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng với hình thức thế chấp tài sản, thế chấp bằng việc sang tên quyền sử dụng đất của cha mẹ anh (ông T1, bà H1), cha mẹ anh ký tên sang tên quyền sử dụng đất cho anh Q nhưng thực tế đất vẫn do cha mẹ anh quản lý, sử dụng. Lãi suất vay là 4%/tháng, gia đình anh đã đóng tiền lãi cho anh Q được 3 tháng, mỗi tháng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng thì không có khả năng đóng lãi nữa nên anh Q yêu cầu sang tên cho anh T, chị T1 với số tiền là 700.000.000 đồng, anh Q nhận số tiền 590.000.000 đồng, anh nhận số tiền 110.000.000 đồng; Sau đó, anh T sang tên lại cho anh K với số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, anh nhận 120.000.000 đồng, còn lại thì anh T nhận hết. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, đồng thời xem xét bảo vệ quyền lợi cho anh.*

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm 126/2022/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166, 167, 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 133, 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn K

Buộc anh Phan Văn T, chị Phạm Thanh T1, ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1 có nghĩa vụ phải giao cho anh Trương Văn K quyền sử dụng diện tích đất

390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 (Bản đồ 2005) và thửa 170, tờ bản đồ 41, (Bản đồ 2005) tọa lạc tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Anh Trương Văn K được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 390m², gồm: Hàng rào lưới B40, có xây chân tường 03 cây lộc vùng, 04 cây xoài da xanh.

Buộc anh Trương Văn K có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị H1 số tiền 13.035.832 đồng.

Ghi nhận anh Trương Văn K đồng ý hỗ trợ cho ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1, anh Lê Minh H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Nội dung kháng cáo:* ngày 17-11-2022, ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy án sơ thẩm; trường hợp không hủy án sơ thẩm thì yêu cầu sửa án theo hướng buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Thu T2 trả tiền mua bán đất cho vợ chồng ông, bà.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Lê Văn T1 trình bày: ông T1 cho rằng, phần đất 390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 (Bản đồ 2005) và thửa 170, tờ bản đồ 41, (Bản đồ 2005) tọa lạc tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh, vợ chồng ông thống nhất là cho con Lê Minh Hải và cùng anh Lê Minh H ra Phòng Công chứng ký hợp đồng tặng cho sang tên cho anh Lê Minh H mà không biết là ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất này cho anh Nguyễn Văn Q. Nay, biết phần đất này anh Lê Minh H đã chuyển nhượng cho người khác nên ông yêu cầu được nhận lại đất, hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và anh Q, ông đồng ý trả cho anh Q 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Minh H trình bày: phần đất 390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 (Bản đồ 2005) và thửa 170, tờ bản đồ 41, (Bản đồ 2005) tọa lạc tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh là của cha, mẹ anh cho anh. Do cần tiền làm ăn nên cha mẹ anh đồng ý thực hiện thủ tục sang tên cho anh. Thay vì cha mẹ anh ký hợp đồng tặng cho sang tên cho anh, sau đó anh mới thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Q, như vậy sẽ mất thời gian. Do đó, anh để cha mẹ anh ký hợp đồng sang nhượng thẳng qua cho anh Q.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung*: không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Phan Văn T, chị Phạm Thanh T1, anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị Thu T2 và bà Phan Thị H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1 thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp là của ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1. Ngày 26/8/2020, ông T1, bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị Thu T2; Ngày 05/11/2020, anh Q, chị T2 chuyển nhượng lại cho anh Phan Văn T, chị Phạm Thanh T1 và ngày 24/11/2021, anh T, chị T1 chuyển nhượng lại cho anh Trương Văn K. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đảm bảo về mặt hình thức và bên nhận chuyển nhượng đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng anh K đã được cập nhật biến động tại trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh tên người sử dụng đất thành Trương Văn Khánh ngày 26/11/2021. Do đó, hiện nay anh K là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất 390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 và thửa 170, tờ bản đồ 41 (năm 2005) tọa lạc tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

[2.2] Ông T1 cho rằng, phần đất 390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 và thửa 170, tờ bản đồ 41 tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh ông cho Lê Minh Hải nên khi đến Phòng Công chứng ông nghĩ là ký hợp đồng sang tên cho anh Lê Minh H; qua lời trình bày của anh Lê Minh H tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định ông T1, bà H1 **ý hợp đồng chuyển nhượng cho anh Q, chị T2 là có thật**; nhưng anh Lê Minh H, ông T1, bà H1 không có chứng cứ chứng minh việc ông T1, bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất 390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 và thửa 170, tờ bản đồ 41 (năm 2005) tọa lạc tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh là do ông bà bị lừa dối. Do đó, ông bà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông bà và anh Q, chị T2 là không có cơ sở.

[2.3] Quá trình thu thập hồ sơ tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, lời trình bày của ông bà thể hiện, khi ký hợp đồng với anh Q **chị T2, anh Q thì chị T2** có giao 500.000.000 đồng nhưng trừ 80.000.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền đòi nợ, nhưng anh Lê Minh H, ông T1 cho rằng là tiền anh Q cho anh Lê Minh H vay tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh khoản tiền này là tiền vay. Như vậy, có cơ sở xác định tiền chuyển nhượng đã thanh toán xong nên ông T1 bà H1 yêu cầu anh Q chị T2 trả tiền cho ông, bà là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những đánh giá nêu trên thấy rằng, kháng cáo của ông T1 và bà H1 không được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: ông T1, bà H1 phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo được chấp nhận nhưng bà H1 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị H1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 126/2022/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 166, 167 và Điều 188 của Luật đất đai; Điều 133, Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 26, 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn K “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” đối với anh Phan Văn T, chị Phạm Thanh T1, ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1.

Buộc anh Phan Văn T, chị Phạm Thanh T1, ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1 có nghĩa vụ phải giao cho anh Trương Văn K quyền sử dụng diện tích đất 390m², thửa 763, tờ bản đồ 38 (Bản đồ 2005) và thửa 170, tờ bản đồ 41, (Bản đồ 2005) tọa lạc tại khu Lộc Trát, phường Gia Lộc, thị xã B, tỉnh Tây Ninh, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN); có tứ cận: Đông giáp đất ông Phan Thanh Liêm dài 3,21m + 2,79m, tây giáp đường đất dài 6m, nam giáp đất anh Lê Nhựt Minh dài 27,16m + 28,93m + 7,57m, bắc giáp đất bà Phan Thanh Tuyền dài 38,05m + 15,54m + 10,62m. Có sơ đồ kèm theo.

Anh Trương Văn K được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất 390m², gồm: Hàng rào lưới B40, có xây chân tường cao 1,8m, dài 6m + 38,05m + 15,54m + 10,62m + 3,21m + 2,79m; 03 cây lộc vừng, 04 cây xoài da xanh.

Buộc anh Trương Văn K có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị H1 13.035.832 (Mười ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi hai) đồng.

Ghi nhận anh Trương Văn K đồng ý hỗ trợ cho ông Lê Văn T1, bà Phan Thị H1, anh Lê Minh H số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng: ghi nhận anh K nhận chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh K đã nộp đủ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Văn T và chị Phạm Thanh T1 phải chịu chung 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị H1 phải chịu chung 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Anh K phải chịu 5.651.800 (Năm triệu sáu trăm năm mươi một nghìn tám trăm) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0026503 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Anh K còn phải nộp thêm 5.351.800 (Năm triệu ba trăm năm mươi một nghìn tám trăm) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: bà H1 được miễn án phí; ông T1 phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T1 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0026907 ngày 17-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông T1 đã nộp xong khoản tiền này.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã B ;
- CCTTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An Tiên